

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 9 năm 2023

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH V**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Mạnh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Miên - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 96/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc *“Ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1973; nơi cư trú: thôn An Ninh, xã A, huyện Qu, tỉnh Th, có mặt.

Bị đơn: Anh Hà Văn L, sinh năm 1978; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 11/7/2023 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh L kết hôn với nhau ngày 10/02/2020, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã An, huyện Qu, tỉnh Th. Sau khi cưới chị về gia đình anh L chung sống và làm dâu được một thời gian chị phải đi chấp hành

án. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2023, sau khi chị đi chấp hành án về được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh L uống rượu vào lại chửi bới chị. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh L, chị xin được ly hôn anh L.

Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hà Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong bản tự khai ngày 01/8/2023, anh L trình bày: Anh xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn và quá trình vợ chồng chung sống như chị H trình bày là đúng. Năm 2023, vợ chồng anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do từ khi chị H đi chấp hành án về không chăm lo đến gia đình, bất đồng quan điểm sống, đời sống hôn nhân không đạt được nên chị H bỏ đi làm ăn. Nay chị H xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh chị không có con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án cho đến giai đoạn Hội đồng xét xử, nghị án đã thực hiện đầy đủ, trình tự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị H được ly hôn anh L. Về con chung: chị H và anh L xác định vợ chồng không có con chung, không đề nghị giải quyết nên không xem xét. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức do chị H và anh L không đề nghị nên không xem xét. Về án phí: chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp “Ly hôn”. Bị đơn là anh Hà Văn L có địa chỉ tại thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện S theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với anh L là bị đơn mặc dù vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên anh đã có đơn đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt đúng theo quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh L.

[2] Nội dung vụ án: cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hà Văn L là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Chị H khi về gia đình anh Long làm dâu được một thời gian thì phải đi chấp hành án đến cuối năm 2022 chị được về. Khi chị H đi chấp hành án về, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm đến nhau nên từ đó dẫn đến thường xuyên cãi, chửi nhau. Hiện nay vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ cho từ đầu năm 2023 đến nay.

Xét tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân anh L cũng đồng ý ly hôn với chị H. Do vậy đề nghị của chị H xin ly hôn anh L là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Con chung: Chị H và anh L đều xác định vợ chồng không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị H và anh L không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Hà Văn L.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0000855 ngày 11/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô. Chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc được niêm yết tại UBND nơi anh L cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện S;
- Chi cục THADS S;
- UBND xã A,
- Huyện Qu, tỉnh Th;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp